

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ:

KỶ NIỆM 1050 NĂM NHÀ NƯỚC ĐẠI Cồ VIỆT



LỄ KỶ NIỆM 1050 NĂM NHÀ NƯỚC ĐẠI CỒ VIỆT (968-2018)

Tối 24/4 (9/3AL), tại sân lễ hội Khu di tích lịch sử văn hóa Cố đô Hoa Lư, xã Trường Yên (Hoa Lư), Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam tỉnh Ninh Bình long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 1050 năm Nhà nước Đại Cồ Việt (968-2018).



Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước dự lễ kỷ niệm. Ảnh: MQ

Dự Lễ kỷ niệm có các đồng chí: Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Nông Đức Mạnh, nguyên Tổng Bí thư BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Trương Tấn Sang, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước; Nguyễn Sinh Hùng, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch Quốc hội; Trương Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ; Trương Thị Mai, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương; Võ Văn Thưởng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương; Hoàng Trung Hải, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

Các đồng chí Bí thư Trung ương Đảng: Nguyễn Văn Nên, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng; Nguyễn Hòa Bình, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Phan Đình Trạc, Trưởng Ban Nội chính Trung ương; Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng: Ông Chu Lưu, Phó Chủ tịch Quốc hội; Trần Thanh Mẫn, Chủ tịch UBT.Ư' MTTQ Việt Nam; Nguyễn Thị Doan, nguyên UVT.Ư' Đảng, nguyên Phó Chủ tịch nước; các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng; các đồng chí Bộ trưởng, lãnh đạo các Ban, Ủy ban, Văn phòng, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, cơ quan ngang Bộ; các đồng chí Bí thư, lãnh đạo các tỉnh, thành phố; đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Thủ trưởng, Tướng lĩnh các lực lượng vũ trang; đại biểu Ban liên lạc các dòng họ, con em quê hương Ninh Bình; đại diện một số Đại sứ quán các nước tại Việt Nam và khách quốc tế...



Chương trình nghệ thuật với 500 diễn viên tham gia. Ảnh: ĐL

Đại biểu tỉnh Ninh Bình có các đồng chí: Nguyễn Thị Thanh, UVT.Ư' Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh; Nguyễn Tiến Thành, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; Đinh Văn Diên, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, Trưởng BTC Lễ Kỷ niệm; các đồng chí nguyên là lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; các đồng chí

trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các đồng chí thành viên Ban chỉ đạo, Ban Tổ chức Kỷ niệm 1050 năm Nhà nước Đại Cồ Việt tỉnh; các đồng chí lãnh đạo sở, ban ngành, đoàn thể; đại biểu các bậc Lão thành cách mạng, các đơn vị, cá nhân AHLLVT, Anh hùng lao động, Mẹ VNAH; đại biểu chức sắc tôn giáo, dân tộc, các doanh nghiệp... và đông đảo người dân, du khách, Phật tử cùng dự lễ kỷ niệm.

Diễn văn do đồng chí Nguyễn Thị Thanh, UVT.Ư' Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh đọc tại Lễ kỷ niệm, nêu rõ: Cách đây tròn 1050 năm, sau khi đánh dẹp và thu phục 12 sứ quân, thống nhất đất nước; ngày mùng 10 tháng 3 năm Mậu Thìn - 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, định đô tại Hoa Lư, lấy niên hiệu là Thái Bình; là tuyên ngôn đanh thép của tinh thần độc lập dân tộc, thống nhất quốc gia, là biểu tượng của ý chí tự lập, tự cường, tự chủ của một quốc gia độc lập, thống nhất, có chủ quyền.



Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đọc diễn văn tại lễ kỷ niệm. Ảnh: MQ

Phát huy truyền thống của cha ông, trong những năm qua, quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Ninh Bình luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, chủ động, sáng tạo, phát huy tốt

các tiềm năng, lợi thế, phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, đạt nhiều thành tựu quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực.

Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy cho rằng, để xứng đáng với công lao to lớn của các bậc tiền nhân, phát huy truyền thống của mảnh đất Cố đô Hoa Lư địa linh nhân kiệt, truyền thống vẻ vang của Đảng bộ tỉnh; với niềm tin sắt son vào Đảng, Bác Hồ kính yêu; Đảng bộ, chính quyền và nhân dân toàn tỉnh, nguyện đem tất cả công sức, tâm huyết, tài năng và trí tuệ, đoàn kết thống nhất, nỗ lực phấn đấu, vững bước tiến lên, quyết tâm xây dựng quê hương văn minh, giàu đẹp; góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.



Phó Thủ tướng TT Chính phủ Trương Hòa Bình phát biểu tại lễ kỷ niệm. Ảnh: MQ

Phát biểu tại Lễ kỷ niệm, đồng chí Trương Hòa Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ khẳng định những giá trị lịch sử to lớn của Nhà nước Đại Cồ Việt trong dòng chảy lịch sử của dân tộc qua 86 năm với 3 triều đại: Nhà Đinh, nhà Tiền Lê và thời kỳ đầu của nhà Lý. Những giá trị lịch sử, văn hóa của thời kỳ ấy trở

thành tài sản quý báu, nguồn lực vật chất, tinh thần quan trọng của tỉnh, của quốc gia.

Trong đó, Cố đô Hoa Lư đã được công nhận là Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Quốc gia đặc biệt; là một trong 3 khu vực hợp thành Quần thể danh thắng Tràng An được UNESCO ghi danh là Di sản Văn hóa và Thiên nhiên thế giới - Di sản hỗn hợp đầu tiên ở Đông Nam Á.

Thay mặt lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đồng chí Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình cũng ghi nhận và nhiệt liệt biểu dương, chúc mừng những thành tựu to lớn mà Đảng bộ, chính quyền, quân và dân tỉnh Ninh Bình đã tiếp nối truyền thống lịch sử vẻ vang của cha ông, trong những năm qua luôn đoàn kết, chủ động, sáng tạo, phát huy sức mạnh tổng hợp, đạt nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự ATXH...

Đồng chí Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ tin tưởng, với truyền thống hào hùng, bề dày lịch sử của quê hương Cố đô, Đảng bộ, chính quyền, quân và dân Ninh Bình sẽ phát huy truyền thống tốt đẹp và những kết quả đạt được, ra sức khắc phục khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, đưa Ninh Bình ngày càng phát triển nhanh và bền vững.

Phát biểu đáp từ tại Lễ kỷ niệm, đồng chí Đinh Văn Điển, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh thay mặt Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Ninh Bình trân trọng cảm ơn tình cảm, sự quan tâm đặc biệt của các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước đối với Đảng bộ và nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Đồng thời xin hứa với Trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ, tỉnh Ninh Bình sẽ luôn đoàn kết, thống nhất; kế thừa và phát huy những giá trị to lớn của Nhà nước Đại Cồ Việt; truyền thống lịch sử và văn hóa của quê hương, không ngừng đổi mới, năng động, sáng tạo, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, xây dựng quê hương Ninh Bình ngày càng giàu đẹp, văn minh.



Đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh đáp từ tại lễ kỷ niệm. Ảnh: MQ

Sau Lễ kỷ niệm trang trọng, thành kính là chương trình nghệ thuật đặc sắc chào mừng với chủ đề “Rực sáng Thiên anh hùng ca Đại Cồ Việt”, với sự tham gia của 500 diễn viên chuyên nghiệp, không chuyên và nhân dân địa phương.



Màn bắn pháo hoa tầm cao. Ảnh: MQ

Chương trình nghệ thuật được dàn dựng qua câu chuyện kể của một lão ông với các cháu thiếu niên, thể hiện bằng các lớp đối thoại gắn với những đại cảnh lớn về quá trình dẹp yên và thu phục 12 sứ quân của Đinh Bộ Lĩnh, hình thành và xây dựng Nhà nước Đại Cồ Việt trong tiến trình lịch sử của dân tộc, khẳng định vị trí, vai trò của vua Đinh Tiên Hoàng - người đã lập nên Nhà nước phong kiến Trung ương tập quyền đầu tiên của Việt Nam; đồng thời tôn vinh và giới thiệu những thành tựu, giá trị văn hóa của mảnh đất Cố đô Hoa Lư Ninh Bình đến bạn bè trong nước và quốc tế...

Ngay sau chương trình nghệ thuật chào mừng là màn bắn pháo hoa tầm cao tại Khu di tích lịch sử văn hóa Cố đô Hoa Lư.

*Trước đó, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng và các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã gặp mặt các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, BCH Đảng bộ tỉnh.

Tại buổi gặp mặt, đồng chí Nguyễn Thị Thanh, UVT. Ư Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn ĐHQQ tỉnh đã báo cáo nhanh với đồng chí Tổng Bí thư công tác chuẩn bị tổ chức Kỷ niệm 1050 năm Nhà nước Đại Cồ Việt và những thành tựu quan trọng mà tỉnh Ninh Bình đã đạt được trong những năm qua.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng chúc mừng những thành tích, những cố gắng, nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Ninh Bình giàu truyền thống văn hóa, anh hùng. Chúc Đại lễ kỷ niệm với những hoạt động phong phú đã diễn ra, sắp diễn ra và các hoạt động sắp tới đạt được những kết quả tốt đẹp.

Đồng chí Tổng Bí thư tin chắc đây sẽ là dấu ấn của tỉnh Ninh Bình trong

sự phát triển đi lên của tỉnh; đồng thời mong muốn, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Ninh Bình cần kế thừa và tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của cha ông, đoàn kết, nhất trí, xây dựng quê hương Ninh Bình ngày càng đổi mới, đạt được nhiều niềm vui, nhiều thành tích to lớn hơn nữa trong những năm tới.

Tiếp thu sự quan tâm, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Thị Thanh thay mặt Đảng bộ, chính

quyền và nhân dân tỉnh Ninh Bình xin hứa phát huy truyền thống của mảnh đất Cố đô nghìn năm văn hiến, truyền thống vẻ vang của Đảng bộ tỉnh Ninh Bình, tiếp tục đoàn kết, thống nhất, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XXI, góp phần cùng với cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII.

Mỹ Hạnh //

<http://baoninhbinh.org.vn>

NGHỊ LỄ RƯỚC NƯỚC TẠI LỄ HỘI HOA LƯU NĂM 2018

Sáng sớm ngày 24/4 (tức ngày mừng 9/3 âm lịch), Ban tổ chức lễ kỷ niệm 1050 năm Nhà nước Đại Cồ Việt và Lễ hội Hoa Lư năm 2018 đã tổ chức nghi lễ rước nước. Tham dự có đồng chí Tổng Quang Thìn, TVTU, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; lãnh đạo Sở Văn hóa và thể thao, huyện Hoa Lư, xã Trường Yên cùng đông đảo người dân địa phương và du khách.



**Đoàn rước ra tới bến sông Hoàng Long.
Ảnh: TM**

Nghi lễ rước nước bắt đầu từ lúc 5h sáng khởi hành tại đền Vua Đinh, Vua Lê, sau đó tiến về phía bến sông Hoàng Long. Đoàn rước gồm cỗ kiệu lớn đi đầu được khiêng bởi tám thanh niên khỏe mạnh mang trang phục

truyền thống. Trên kiệu là hương án, đặt một chiếc bình sứ, ngoài phủ vải điều để đựng nước thiêng.



Đoàn rước nước bắt đầu tại đền Vua Đinh, Vua Lê. Ảnh: TM

Tiếp sau là các kiệu con là đoàn người vờ lễ phục, áo đỏ nẹp vàng mang cờ ngũ sắc, đi thành hàng đôi, kế tiếp là phường bát âm, gồm: Đàn, sáo, nhị, mõ, thanh la, trống... Phường bát âm cử nhạc, đoàn rước trang nghiêm tiến về phía bờ sông. Đi sau kiệu rước

này là các vị bô lão, quan khách, đại biểu các đoàn thể, đông đảo cư dân địa phương. Khi đoàn rước ra tới bến sông thì hương án có đặt bình sứ được đưa xuống thuyền, theo sau đó là đôi thuyền rồng hộ tống.



Đoàn rước nước trên dòng sông Hoàng Long. Ảnh: MQ

Vị bô lão cao niên được người dân sở tại cử ra làm chủ lễ trình trọng đọc bản sớ trình xin rước nước với thần linh, thổ địa. Hai trinh nữ nhẹ nhàng, thanh thoát múc nước sông đổ vào bình sứ để đưa lên kiệu rước trở về đền vua Đinh tham gia vào phần lễ Thượng Long tiếp theo trước khi trở về nơi đoàn rước xuất phát.



Hai trinh nữ múc nước sông đổ vào bình sứ để đưa lên kiệu. Ảnh: MQ

Nghi lễ rước nước là một nghi lễ cổ truyền đã tồn tại từ lâu trong nghi thức tế tự của dân gian, phản ánh nghi thức tâm linh của cư dân nông nghiệp lúa nước với ý thức cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, đời sống muôn dân no đủ.

Sau nghi lễ rước nước, cũng ngày tại Khu di tích lịch sử văn hóa Cổ đô Hoa Lư còn diễn ra các hoạt động thuộc phần lễ như: lễ mộc dục, lễ tiến phẩm, tế lễ cổ truyền.

Mai Phương //
<http://baoninhbinh.org.vn>

CHÙM ẢNH: LỄ RƯỚC NƯỚC THIÊNG TẠI CỔ ĐÔ HOA LƯ

Trong khuôn khổ các hoạt động chương trình Lễ hội Cổ đô Hoa Lư, ngày 17/4 (tức mùng 8 tháng 3 năm Quý Ty), huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tổ chức Lễ rước nước từ sông Hoàng Long (khu vực cửa Đại Hoàng xưa) về đền Vua Đinh Tiên Hoàng.

Lễ rước nước là một nghi lễ truyền thống có lịch sử lâu đời được người dân Hoa Lư tổ chức hàng năm với ý nguyện cầu mong quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, nhà nhà ấm no.

Thethaovanhoa.vn xin giới thiệu những hình ảnh lễ hội Cổ đô Hoa Lư và lễ rước nước thiêng:



Rồng vàng được rước từ cổng đền vua Đinh, qua đền vua Lê, qua bến sông.



Kiệu lớn do 8 thanh niên trong trang phục lính tuc vệ nhà Đinh xưa: Áo đỏ vàng, đầu chít khăn. Hương án trên kiệu đặt một bình sứ, ngoài phủ vải điều đựng nước thiêng.



Bến sông Hoàng Long, nơi diễn ra nghi lễ tế thần và rước nước.



Trên sông Hoàng Long, các dải phướng bằng vải màu ghi các lời chú được treo trên cây tre lớn.



Một trinh nữ múc nước trên sông đổ vào bình sứ, để đưa lên kiệu, rước vào đền vua Đinh làm lễ dâng hương



Tối 17/4, tại Cố đô Hoa Lư, nhiều tiết mục nghệ thuật đặc sắc tái hiện cảnh Vua Đinh Bộ Lĩnh dẹp 12 sứ quân, lên ngôi hoàng đế. Hình ảnh tái hiện cảnh Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi.



Tái hiện cảnh tập trận cờ lau của Đinh Bộ Lĩnh khi còn nhỏ.

Tin và ảnh: Minh Đức – TTXVN // <https://thethaovanhoa.vn>

QUÁ TRÌNH RA ĐỜI VÀ TỒN TẠI CỦA LỄ HỘI HOA LƯ

Lễ hội Hoa Lư diễn ra trên địa bàn trung tâm Cổ đô Hoa Lư thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Đó là nơi tọa lạc của hai ngôi đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành, cùng các nhân vật lịch sử có liên quan đến hai triều đại Đinh - Tiền Lê.



Lễ tế tại Lễ hội Hoa Lư. Ảnh: Thế Minh

Vua Đinh Tiên Hoàng (924-979) ở ngôi Hoàng đế từ năm 968 đến năm 979, người anh hùng lập nên Nhà nước phong kiến Trung ương tập quyền đầu tiên của Việt Nam. Đinh Bộ Lĩnh sinh tại thôn Vân Bồng (nay là xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình). Ngay từ khi còn nhỏ, Bộ Lĩnh đã thể hiện trí dũng hơn người, hàng ngày cùng các bạn chăn trâu trong vùng lấy trâu làm ngựa, lấy bông lau làm cờ để tập trận giả, khi lớn lên phát huy tài năng quân sự, dấy binh dẹp loạn lập nhiều chiến công. Sau khi dẹp loạn 12 sứ quân, thu giang sơn về một mối Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, lấy niên hiệu là Thái Bình và đóng đô ở Hoa Lư.

Vua Lê Đại Hành (941-1005) là Thập đạo tướng quân của Vương triều Đinh, sau khi lên ngôi vua, lập ra nhà Tiền Lê (981-1009) đã kế tục xuất sắc sự nghiệp của nhà Đinh, tổ chức kháng chiến chống quân Tống xâm lược (năm 981) thành công, có công phát triển đất

nước về kinh tế, quân sự và văn hóa với những trang sử hào hùng.

Khi vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, nhân dân địa phương đã xây dựng đền thờ trên nền móng cũ của cung điện để tưởng nhớ công đức của hai vua Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành. Ngôi đền quay hướng bắc. Nhưng theo thời gian ngôi đền đó không còn nữa, đến năm 1600 Lễ quận công Bùi Thời Trung đã xây dựng lại hai ngôi đền như cũ, nhưng quay theo hướng đông. Đến năm 1676, nhân dân Trường Yên trùng tu hai ngôi đền lớn hơn. Đến năm 1898, Dương Đức Vĩnh đã cùng với nhân dân Trường Yên sửa đền vua Đinh, làm ngưỡng cửa đá và nâng cao đền bằng tảng đá cổ bồng như ngày nay.



Lễ hội Hoa Lư năm 2017. Ảnh: Minh Quang

Đồng thời, cộng đồng dân cư xã Trường Yên đã tổ chức lễ hội để tưởng nhớ công lao to lớn của vua Đinh, vua Lê trong công cuộc dựng nước và giữ nước. Lễ hội được tổ chức hàng năm và trở thành Lễ hội truyền thống của cộng đồng dân cư xã Trường Yên. Theo Từ điển lễ tục Việt Nam các vua Lý, Trần, Lê, Mạc, Nguyễn đều lấy ngày 16 tháng 8 âm lịch- ngày kỵ của vua Đinh làm ngày lễ. Đến thời Khải Định (1916-1925) lấy ngày vua Đinh đăng quang ngôi Hoàng đế ngày 10

tháng 3 âm lịch làm ngày lễ. Trong cuốn Cửu khúc phần Hán văn, lễ hội được tổ chức vào tháng 10 âm lịch. Theo bia đá thời Thiệu Trị năm thứ 3 (1843) ở đền Đình có ghi: “Tể quan Trần Chương vâng mệnh triều đình về đền Đình làm lễ tế vào tháng Bờ”, tức là tháng 5 âm lịch. Trong cuốn Lễ hội Trường Yên, sách được viết bằng tiếng Pháp, năm 1940 lễ hội được tổ chức vào ngày rằm tháng 2 âm lịch, vì coi đó là ngày sinh của vua Đình.

Như vậy, Lễ hội truyền thống Hoa Lư từ năm 1940 trở về trước chỉ tổ chức trong một ngày và lấy các ngày có liên quan đến vua Đình Tiên Hoàng để tổ chức, các nội dung tổ chức lễ hội cũng chỉ nhắc đến các sự kiện có liên quan đến vua Đình như: múa cờ lau tập trận (tái hiện lại thuở thơ ấu khi vua Đình còn là mục đồng, nhưng đã thể hiện vị thế của một quân vương), kéo chữ Thái Bình (niên hiệu của nhà nước Đại Cồ Việt do vua Đình sáng lập nên), ca cửu khúc (xuất phát từ việc vua Đình rất thích xem hát),... còn vua Lê không

được nhắc tới. Bởi quan niệm dưới thời phong kiến vua Lê chỉ là tông tự, nghĩa là tế lễ theo mà thôi. Hiện nay, lễ hội được tổ chức trong ba ngày, từ ngày 8 tháng 3 âm lịch đến ngày 10 tháng 3 âm lịch hàng năm. Với lý do, theo Đại Nam nhất thống chí, dưới thời vua Minh Mạng năm thứ 4 (1823), vai trò quan trọng của vua Lê Đại Hành trong tiến trình lịch sử dân tộc đã được ghi nhận và được liệt vào miếu Lịch đại đế vương- miếu thời chung các vua ở các triều đại kinh thành (Huế), còn ở Trường Yên thì cấp sắc phong cho dân làng phụng thờ; đồng thời, ngày kỵ của vua Lê cũng vào tháng 3 âm lịch năm ất Ty (1005), trùng với tháng vua Đình đăng quang ngôi Hoàng đế vào năm Mậu Thìn (968), nhưng trước hai ngày, tức là vào ngày 8 tháng 3 âm lịch.

(*) Bài viết của Thường trực Huyện uỷ Hoa Lư rút trong cuốn Kỷ yếu hội thảo khoa học “Văn hoá và con người Ninh Bình trong phát triển bền vững” - NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

// <http://baoninhbinh.org.vn>

KỶ NIỆM 1050 NĂM NHÀ NƯỚC ĐẠI CỒ VIỆT MỐC SƠN CHỐI LỢI TRONG LỊCH SỬ

Năm 968, sự kiện Đình Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân lên ngôi Hoàng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, định đô ở Hoa Lư (Ninh Bình ngày nay) đã đánh dấu một mốc son chói lọi, mở ra một thiên sử mới trong sự nghiệp dựng nước độc lập, tự chủ của dân tộc ta. Những ngày này, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Ninh Bình tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm 1050 năm Nhà nước Đại Cồ Việt, gắn với lễ hội Hoa Lư năm 2018.

Khẳng định nền độc lập, tự chủ

Về sự kiện quan trọng của đất nước cách đây 1050 năm, *Đại Việt sử ký toàn thư* còn chép rõ: “Năm Mậu Tuất (968), vua lên ngôi, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, dời kinh ấp về động Hoa Lư, bắt đầu dựng đô mới, đắp thành đào hào, xây cung điện, đặt triều nghi. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Đại Thắng Minh Hoàng Đế”. Vị trí đặt kinh đô Hoa Lư có diện tích khoảng 300 ha, là vùng chiêm trũng được bao quanh bởi các dãy núi đá vòng cung, cảnh quan hùng vĩ, núi non hiểm trở. Với tầm nhìn của

nhà quân sự, Đinh Tiên Hoàng đã triệt để lợi dụng địa thế tự nhiên để xây thành, đắp lũy, nối liền các khoảng trống giữa các núi thành một hệ thống khép kín.

Kinh đô Hoa Lư là một công trình kiến trúc lớn nhất của đất nước sau ngàn năm Bắc thuộc. Năm 970, Đinh Tiên Hoàng đặt niên hiệu mới là Thái Bình. Với việc xưng đế, đặt quốc hiệu, dựng kinh đô, định niên hiệu, Đinh Tiên Hoàng đã khẳng định nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Cồ Việt và bắt tay vào xây dựng một mô hình nhà nước với thiết chế mới: Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền thống nhất.

Sau khi lên ngôi, vua Đinh Tiên Hoàng đã bắt tay vào xây dựng và tổ chức bộ máy chính quyền gồm 3 cấp gồm: Triều đình Trung ương - Đạo (trung gian) - Giám, xã (cơ sở); xây dựng quân đội đông và mạnh. Mặt khác, triều Đinh còn chú trọng xây dựng hệ thống luật pháp, phát triển kinh tế với việc phát hành đồng tiền đầu tiên của đất nước với tên Đồng Thái Bình Hưng Bảo, quan tâm phát triển văn hóa, đối ngoại...



Chào mừng kỷ niệm 1050 năm Nhà nước Đại Cồ Việt, tối 18/4/2018, tỉnh Ninh Bình tổ chức chương trình nghệ thuật “Hào Khí Ninh Bình”. Ảnh: Hải Yến – TTXVN

Năm 980, Lê Hoàn lên ngôi vua, lập ra triều tiền Lê với những cống hiến to lớn vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước với thắng lợi vẻ vang của cuộc

kháng chiến chống Tống (981) và bình định Chăm-pa (982). Đến năm 1005, vua Lê Hoàn mất, Lê Long Đĩnh lên ngôi vua tại vị từ năm 1005 - 1009. Năm 1009, sau khi Lê Long Đĩnh chết, triều đình đưa Lý Công Uẩn lên ngôi vua, năm 1010, Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La và đổi tên thành Thăng Long. Việc dời đô về Thăng Long phản ánh yêu cầu mới về phát triển nhà nước phong kiến tập quyền và chứng tỏ khả năng, lòng tin, quyết tâm của dân tộc trong việc giữ vững nền độc lập.

Cùng với tinh thần, ý chí đó, năm 1054, nhà Lý (vua Lý Thánh Tông) đổi tên nước là Đại Việt. Như vậy, quốc hiệu Đại Cồ Việt tồn tại trong lịch sử dân tộc 86 năm, từ năm 968 đến 1054, trải qua 3 triều đại: Đinh, tiền Lê và thời kỳ đầu của nhà Lý.

Dưới triều tiền Lê và thời kỳ đầu của nhà Lý, Nhà nước Đại Cồ Việt tiếp tục phát triển về mọi mặt; nền độc lập, tự chủ của dân tộc được củng cố vững chắc.

Viết tiếp trang sử hào hùng

Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, vùng đất và con người Ninh Bình đều để lại những dấu ấn đặc biệt, từ cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đầu Công nguyên đến các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ sau này, xứng đáng là quê hương Anh hùng của dân tộc Anh hùng.

Bước vào thời kỳ đổi mới, đặc biệt là sau khi tái lập tỉnh (năm 1992), dưới ánh sáng của đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng, lãnh đạo; phát huy truyền thống lịch sử và cách mạng của quê hương, Đảng bộ, quân và dân Ninh Bình đã đoàn kết, năng động, sáng tạo vượt qua khó khăn, thách thức giành được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực. Kinh tế của tỉnh liên tục có

những bước phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ và giảm dần nông nghiệp.

Năm 2017, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt 7,95%, thu ngân sách trên địa bàn đạt gần 8.800 tỷ đồng; 2/8 huyện, thành phố về đích và hoàn thành xây dựng nông thôn mới... Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện năng, hạ tầng xã hội được quan tâm đầu tư phát triển tương đối đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; văn hóa xã hội được quan tâm, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, lĩnh vực giáo dục, y tế và các lĩnh vực xã hội khác từng bước được củng cố, phát triển, cơ bản đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa...

Công tác quốc phòng địa phương được tăng cường, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, bảo đảm cuộc sống bình yên cho nhân dân và môi trường xã hội lành mạnh. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị được tỉnh tập trung lãnh đạo, triển khai toàn diện, đồng bộ các nhiệm

vụ, giải pháp, tạo sự chuyển biến tích cực.

Theo kế hoạch, các hoạt động kỷ niệm 1050 năm Nhà nước Đại Cồ Việt sẽ được tổ chức cao điểm từ ngày 24 đến 27/4 (ngày 9 đến 12/3 âm lịch), kết hợp với Lễ hội Hoa Lư truyền thống được tổ chức thường niên nhằm ngày 10/3 âm lịch. Đây là dịp để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Ninh Bình ôn lại truyền thống lịch sử vẻ vang của quê hương, tri ân công lao của các bậc tiền nhân đã thống nhất giang sơn, mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ cho dân tộc. Tỉnh Ninh Bình tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng của quê hương, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đoàn kết, năng động, sáng tạo, tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI đề ra, phấn đấu xây dựng quê hương Ninh Bình phát triển nhanh, bền vững, giàu đẹp, văn minh.

Đức Phương //
<https://thethaovanhoa.vn>

Ý NGHĨA SỰ RA ĐỜI, VỊ TRÍ VÀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐẠI CỒ VIỆT (THỜI ĐÌNH) TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ DÂN TỘC

Ra đời trong đấu tranh dẹp loạn, Nhà nước Đại Cồ Việt do Đinh Bộ Lĩnh sáng lập, xuất hiện trên vũ đài lịch sử với ngọn cờ thống nhất đất nước. Mặc dù chỉ kéo dài 12 năm (968 - 980), trải qua 02 đời vua, nhưng trong quá trình tồn tại, bằng tổ chức quản lý và hoạt động cụ thể, Nhà nước

Đại Cồ Việt thời Đinh đã có những đóng góp lớn lao về mọi mặt, giữ vị trí và vai trò hết sức quan trọng trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

Một là, Nhà nước Đại Cồ Việt ra đời vào năm 968 đã chấm dứt tình trạng phân tán, cát cứ kéo dài, mà “loạn 12 sứ quân” chỉ là một hiện tượng

điển hình; cùng với đó, quốc gia dân tộc được thống nhất với cương vực lãnh thổ riêng.



Màn biểu diễn cờ lau tập trận tại lễ hội truyền thống Hoa Lư năm 2017. Ảnh: MQ

Tình trạng phân tán với xu hướng tách khỏi sự ràng buộc của bộ máy quản lý nhà nước tập trung chính là di sản nặng nề do quá khứ để lại, buộc dân tộc ta vào thế kỷ X phải từng bước loại trừ để cùng nhau tồn tại và phát triển. Vì vậy, sự xuất hiện của Đinh Bộ Lĩnh với vai trò dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước, thành lập Nhà nước Đại Cồ Việt là một cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển của quốc gia dân tộc. Nhà nước Đại Cồ Việt thời Đinh, từ quá trình ra đời đã giáng một đòn quyết định, chặn đứng mọi âm mưu chia rẽ đất nước của các thế lực phân tán tồn tại dai dẳng từ trước, hướng tới thống nhất, tập quyền, phù hợp với yêu cầu của lịch sử. Đồng thời, Nhà nước Đại Cồ Việt thời Đinh đại diện cho lợi ích và sức mạnh của cộng đồng các giáp, xã... tượng trưng cho sự đoàn kết, tập hợp các lực lượng vì mục đích độc lập, tự chủ và thống nhất.

Đây là thành tựu được các sử gia nhìn nhận và đánh giá rất cao. Thậm chí, đối với sử gia phong kiến, vấn đề “thống nhất quốc gia” còn là một tiêu chí để xem xét tính “chính thống” của một triều đại. Chính vì vậy, sự kiện thành lập Nhà nước Đại Cồ Việt được coi là mở nền chính thống cho thời đại

phong kiến độc lập, tự chủ của dân tộc ta (“chính thống thủy”). Do đó, các bộ chính sử, từ Đại Việt sử ký toàn thư (thế kỷ XV), Đại Việt sử ký tiền biên (thế kỷ XVIII) đến Khâm định Việt sử thông giám cương mục (thế kỷ XIX) đều xác định: Triều đại nhà Đinh với sự thành lập Nhà nước Đại Cồ Việt là mốc mở đầu phần Bản kỷ hoặc Chính biên.

Hai là, với việc thiết lập triều đình riêng do một hoàng đế đứng đầu, có niên hiệu riêng, quản lý một lãnh thổ riêng biệt, sự ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước Đại Cồ Việt chính là sự khẳng định mạnh mẽ nền độc lập, tự chủ của đất nước vừa mới được khôi phục sau một thiên niên kỷ lệ thuộc vào phong kiến phương Bắc.

Đối với Việt Nam, một nước nhỏ bé ở bên cạnh một đế chế hùng mạnh, rộng lớn như Trung Hoa, thì việc đặt tên nước, xưng đế hiệu, định niên hiệu mang một ý nghĩa lớn về ý thức tự tôn, tự cường dân tộc.

Trong lịch sử dân tộc, trước Đinh Tiên Hoàng, có 2 vị vua nổi dậy khởi nghĩa thời kỳ Bắc thuộc, khi thành công cũng xưng Đế. Đó là Lý Bí, sử gọi là Lý Nam Đế (544-548) và Mai Thúc Loan, sử gọi là Mai Hắc Đế (713-722); tuy nhiên, ngay sau đó, đất nước ta lại bị phong kiến phương Bắc đô hộ. Tiếp đó, vào những thập niên đầu thế kỷ X, kể từ Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ đến Ngô Quyền, mặc dù đã giành được quyền tự chủ, nhưng để giữ sự hòa hiếu với phương Bắc, chỉ xưng là Tiết độ sứ hoặc xưng Vương.

Do đó, việc đặt quốc hiệu “Đại Cồ Việt”, rồi xưng đế (được bề tôi dâng tôn hiệu “Đại Thắng Minh Hoàng Đế”) thể hiện một cách rõ ràng ý đồ của Đinh Bộ Lĩnh khi so sánh, đặt mình ngang với các Hoàng đế Trung Hoa; phủ nhận những tên gọi nước ta trước đó mà triều đình phong kiến phương Bắc đặt cho, như: An Nam, Giao Châu... Tiếp

đó, việc Đinh Tiên Hoàng bỏ không dùng niên hiệu của các Hoàng đế Trung Hoa nữa, định niên hiệu mới là Thái Bình (năm 970) mang một ý nghĩa lớn lao; biểu hiện ý chí độc lập, tự chủ, không muốn lệ thuộc vào Trung Quốc ngày đó.

Như vậy, với việc đặt quốc hiệu Đại Cồ Việt, xưng Hoàng đế và định niên hiệu là Thái Bình, một lần nữa khẳng định sự tự tin vào sức mạnh dân tộc, khát vọng về một đất nước thái bình, hưng thịnh của vua Đinh Tiên Hoàng.

Ba là, Nhà nước Đại Cồ Việt (thời Đinh) với tổ chức bộ máy, chính sách đối nội, đối ngoại tuy sơ khai nhưng đã mở ra một thời kỳ mới về tổ chức quản lý đất nước trong lịch sử dân tộc - thời kỳ phong kiến độc lập, tự chủ lâu dài với sự nối tiếp nhau của các nhà nước quân chủ trung ương tập quyền.

Trước Nhà nước Đại Cồ Việt, lịch sử nước ta đã ghi nhận sự xuất hiện của nhà nước sơ khai thời Văn Lang - Âu Lạc, lại có các nhà nước tồn tại ngắn ngủi trong thời kỳ đấu tranh chống Bắc thuộc như: Nhà nước của Trưng Nữ Vương, nhà nước Vạn Xuân của Lý Nam Đế, rồi các chính quyền tự chủ của họ Khúc, họ Dương, họ Ngô. Nhưng phải đến khi Nhà nước Đại Cồ Việt được ra đời, một thời kỳ mới về tổ chức quản lý đất nước mới được khai mở.

Với việc tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ gồm một đội ngũ quan lại có phân công, phân nhiệm rành mạch và việc chia đất nước thành các đơn vị hành chính mới, Nhà nước Đại Cồ Việt là một nhà nước quân chủ trung ương tập quyền độc lập, tự chủ, hoà hợp và mở rộng, gắn bó với cộng đồng giáp, xã; đối ngoại mềm dẻo trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền của dân tộc. Trên cơ sở ban đầu đó, các vương

triều sau còn phải tiến hành sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh và củng cố cho phù hợp với sự phát triển của đất nước trong quá trình hình thành và xác lập chế độ phong kiến loại hình phương Đông ở nước ta.

Hơn nữa, bằng những hoạt động đối nội và đối ngoại phù hợp, Nhà nước Đại Cồ Việt đã đưa lịch sử nước ta vào một bước phát triển mới chưa từng có (so với trước đó), khôi phục lại thế đứng hiên ngang cho đất nước, cho dân tộc. Nhờ vậy, từ đây, đất nước của cộng đồng các dân tộc Việt, bằng sức sống bền bỉ và năng động của mình đã vươn lên mạnh mẽ, đủ sức chống chọi với mọi âm mưu và hành động xâm lược của giặc ngoại xâm, giữ một vị trí quan trọng trong khu vực trước những biến động lớn đã từng xảy ra và còn tiếp diễn ở nhiều thế kỷ sau này.

Như vậy, kể từ thế kỷ X, trên hành trình lịch sử Đại Cồ Việt - Đại Việt - Đại Nam - Việt Nam, Nhà nước Đại Cồ Việt (thời Đinh) mãi mãi xứng đáng với vị trí mở đầu cho thời kỳ độc lập tự chủ lâu dài của dân tộc. Như lời sử thần Lê Tung trong Việt giám thông khảo tổng luận nhận định: “Đinh Tiên Hoàng nhân khi nhà Ngô loạn lạc, dẹp được 12 sứ quân, trời cho người theo, thống nhất bờ cõi... sang chế triều nghi, định lập quân đội. Vua chính thống của nước Việt ta thực bắt đầu từ đây...”. Hay, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong “Lịch sử nước Nam ta” cũng dành cho Đinh Tiên Hoàng nói riêng, Nhà nước Đại Cồ Việt (thời Đinh) nói chung những lời tốt đẹp:

“Đến hồi thập nhị sứ quân

Bốn phương loạn lạc muôn dân cơ hàn

Động Hoa Lư, cõi Tiên hoàng

Nổi lên gây dựng triều đình họ Đinh

Ra tài kiến thiết kinh dinh”.

TS //baoninhbinh.org.vn

NHÀ NƯỚC ĐẠI CỒ VIỆT THỜI ĐÌNH (968-980)

Năm 968, sau khi thống nhất được quốc gia, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt (tức “Nước Việt to lớn”), định đô ở Hoa Lư, xây dựng triều chính và quản lý đất nước.



Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng đế nằm trong quần thể di tích lịch sử văn hóa cổ đô Hoa Lư. Ảnh tư liệu

Về sự kiện này, Đại Việt sử ký toàn thư chép rõ: “Năm Mậu Thìn (968). Vua lên ngôi, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, dời kinh ấp về động Hoa Lư, bắt đầu dựng đô mới, đắp thành đào hào, xây cung điện, đặt triều nghi. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Đại Thắng Minh Hoàng Đế”.

Vị trí dựng đặt kinh đô Hoa Lư có diện tích khoảng 300 ha, là vùng đồng chiêm trũng được bao quanh bởi các dãy núi đá vòng cung, cảnh quan hùng vĩ, núi non hiểm trở. Với tầm nhìn của nhà quân sự, Đinh Tiên Hoàng đã triệt để lợi dụng địa thế tự nhiên để xây thành, đắp lũy, nối liền các khoảng trống giữa các núi thành một hệ thống khép kín. Mặc dù chức năng quân sự được thể hiện rõ trong kiến trúc tự nhiên của kinh thành Hoa Lư, nhưng về cơ bản nó vẫn đảm bảo trọn vẹn chức năng là trung tâm chính

trị, văn hóa của vương triều Đinh buổi đầu kiến lập. Kinh đô Hoa Lư do Đinh Tiên Hoàng tổ chức xây dựng là một công trình kiến trúc lớn nhất của đất nước sau ngàn năm Bắc thuộc.

Năm 970, Đinh Tiên Hoàng bỏ việc dùng niên hiệu của các Hoàng đế Trung Hoa, đặt niên hiệu mới là Thái Bình.

Như vậy, với việc xưng đế, đặt quốc hiệu, dựng kinh đô, định niên hiệu, Đinh Tiên Hoàng đã khẳng định nền độc lập, tự chủ của quốc gia Đại Cồ Việt và bắt tay vào xây dựng một mô hình nhà nước với thiết chế mới: Nhà nước quân chủ trung ương tập quyền thống nhất.

- Về tổ chức bộ máy nhà nước:

Đinh Tiên Hoàng đã hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý đất nước từ hình thức “Vương quyền”, chuyển sang hình thức “Đế quyền”, với 3 cấp: Triều đình Trung ương - Đạo (trung gian) - Giáp, Xã (cơ sở).

Triều đình Trung ương tại Kinh đô Hoa Lư do Đinh Tiên Hoàng đứng đầu, con trai cả là Đinh Liễn được phong làm Nam Việt Vương, có quyền hành lớn chỉ sau Hoàng đế và được giao đặc trách công việc bang giao. Năm Thái Bình thứ 2 (971), vua bắt đầu quy định cấp bậc văn, võ, tăng đạo. Đến năm 975, quy định áo mũ của các quan văn, võ.

Vua lập cho mình 5 Hoàng hậu, đặt ngôi Thái tử. Sử cũ cho biết, năm 968, sau khi lên ngôi Hoàng đế, Đinh Tiên Hoàng đã phong tước cho các Hoàng tử và bầy tôi thân cận: Năm 969, nhà vua phong con trưởng là Đinh Liễn làm Nam Việt Vương.. Năm

978, nhà vua lập con nhỏ là Đinh Hạng Lang làm Hoàng Thái tử, phong con thứ là Đinh Toàn làm Vệ Vương.

Nhìn chung, về tổ chức chính quyền Trung ương thời Đinh, từ quan chế, nghi tiết, phần lớn đều phỏng theo các triều đại Đường, Tống của Trung Quốc. Tuy bộ máy hành chính thời Đinh là bộ máy chính quyền quân chủ thời kỳ mới độc lập, tự chủ, nên còn khá sơ sài, đơn giản, chưa thật hoàn bị; nhưng việc củng cố bộ máy chính quyền Nhà nước quân chủ của Đinh Tiên Hoàng đã được lịch sử ghi nhận. Sử gia thế kỷ XIII, Lê Văn Hưu nhận định: "...Vua mở nước dựng đô, đổi xưng Hoàng đế, đặt trăm quan, lập sáu quân, chế độ gần đầy đủ...".

Ở các địa phương, vua Đinh chia nước làm nhiều đạo, dưới đạo là giáp và xã. Đến nay, địa bàn của từng đạo và hệ hống quan chức các cấp chính quyền chưa xác định được rõ ràng.

- **Về quân đội:** Nhà nước Đại Cồ Việt thời Đinh về cơ bản là một nhà nước võ trị. Quân đội thời Đinh đông và mạnh. Điểm nổi bật nhất trong tổ chức quân sự phòng giữ đất nước thời nhà Đinh là tổ chức "Thập đạo quân".

Năm 971, Đinh Tiên Hoàng phong cho Lê Hoàn giữ chức Thập đạo tướng quân, đứng đầu quân đội. Bên dưới đạo có các loại: Quân, lũy, tốt, ngũ. Sách Đại Việt sử ký toàn thư viết: "Đinh Tiên Hoàng, năm Thái Bình thứ 5 (974), định ngạch quân 10 đạo, một đạo 10 quân, một quân 10 lũy, một lũy 10 tốt, một tốt 10 ngũ, một ngũ 10 người". Quân thường trực thời Đinh bắt đầu được trang bị quân phục thống nhất. Binh lính đều đội mũ "Tứ phương bình đỉnh" (bốn góc vuông, phía trên phẳng) bằng da. Và quân túc vệ đều thêu trên trán ba chữ

"Thiên tử quân" để phân biệt với các loại quân khác. Quân đội được trang bị các loại bạch khí, kết hợp giữa giáo, kiếm, côn với cung, nỏ...

- **Về luật pháp:** Cùng với việc từng bước xây dựng và kiện toàn bộ máy quản lý từ Trung ương đến địa phương, xây dựng củng cố lực lượng quân sự, nền pháp chế thời kỳ này cũng bắt đầu được đề ý đến. Đinh Tiên Hoàng đã đặt chức Đô hộ phủ sĩ sự coi việc hình án - một chức quan tư pháp và giao cho Lưu Cơ giữ chức này. Mặc dù vậy, dưới chế độ võ trị, luật pháp thời Đinh còn nghiêm khắc và tùy tiện, dựa theo ý muốn của nhà vua. Vua Đinh cho đặt vạc dầu và cũi hổ ở sân triều để trừng phạt phạm nhân.

- **Về kinh tế:** Thời Đinh, kinh tế nông nghiệp được quan tâm. Nhà vua nắm toàn bộ ruộng đất trong nước, vừa để khẳng định quyền lực vừa để nắm lấy thần dân, thu tô thuế, bắt lính. Bên cạnh đó, nhà nước cũng quan tâm tới việc khai hoang, lập làng, mở rộng diện tích canh tác xuống vùng đồng bằng và ven biển.

Một số ngành nghề thủ công nghiệp cũng được chú ý phát triển như: Nghề thợ nề, thợ đá, mộc, chạm khắc, dát vàng bạc... chủ yếu để phục vụ vua quan và quân đội. Trong dân gian, các nghề truyền thống như trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải lụa, làm giấy tiếp tục phát triển.

Khoảng năm 970, Đinh Tiên Hoàng cho phát hành đồng tiền đầu tiên của đất nước: Đồng Thái Bình Hưng Bảo. Sự ra đời của đồng tiền "Thái Bình Hưng Bảo" thúc đẩy việc trao đổi buôn bán hàng hóa trong nhân dân; việc trao đổi buôn bán vật phẩm cũng được thực hiện với Trung

Quốc và với các thuyền buôn nước ngoài.

- **Về văn hóa:** Cùng với việc xây dựng một chính quyền nhà nước có chủ quyền, vua Đinh Tiên Hoàng cũng chú ý đến phát triển văn hóa; những mầm mống đầu tiên của một nền văn hóa mang tính dân tộc được manh nha hình thành.

Đạo Nho tuy đã xâm nhập vào Việt Nam từ đầu thời Bắc thuộc, nhưng đến lúc này vẫn không tạo được những ảnh hưởng đáng kể. Nổi trội trong đời sống tâm linh vẫn là những tín ngưỡng dân gian hòa trộn với những tôn giáo như Phật giáo, Đạo giáo. Đạo Phật là chỗ dựa tinh thần và có vị trí lớn trong đời sống xã hội Đại Cồ Việt cũng như trong cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước thời Đinh. Ở Kinh đô Hoa Lư đã xây dựng nhiều chùa chiền (chùa Tháp, chùa Bà Ngô...) và các cột kinh Phật. Nhiều nhà sư đã trở thành cố vấn cho vua Đinh về đường lối đối nội và đối ngoại. Năm 971, vua phong cho Tăng thống Ngô Chân Lưu làm Khuông Việt Đại sư (Khuông Việt nghĩa là phò giúp nước Việt) chứng tỏ các tăng sĩ đã có vai trò rất lớn trong việc phò giúp Đinh Bộ Lĩnh.

Thời kỳ này, nhiều loại hình văn hóa dân gian đã hình thành như ca múa nhạc (thể hiện qua truyền thuyết bà Phạm Thị Trân ở Hồng Châu, tỉnh Hưng Yên dạy quân sĩ hát, đánh trống, được phong chức và được suy tôn là Huyền Nữ, Ưu Bà), một số môn xiếc đã điều luyện được biểu diễn trên lầu Đại Văn...

- **Về đối ngoại:** Ngay sau khi lên ngôi, Đinh Tiên Hoàng đã quan tâm đến việc thiết lập mối quan hệ bang giao với nhà Tống.

Theo các bộ chính sử của Việt Nam như: Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt sử ký tiền biên, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, vào năm 970, vua sai sứ sang nhà Tống giao hảo. Chuyển đi sứ sang nhà Tống vào năm Thái Bình thứ 1 (970) dưới thời Đinh là chuyến đi sứ đầu tiên, mở đầu quan hệ bang giao giữa Việt Nam với Trung Quốc trong thời kỳ trung đại.

Tiếp đó, năm 972, vua sai con trai cả là Nam Việt Vương Đinh Liễn sang nước Tống, đến năm 973 mới trở về nước. Chuyển đi sứ sang nhà Tống của Đinh Liễn thành công, nên khi Đinh Liễn về nước, vua Tống đã sai sứ đến Kinh đô Hoa Lư phong cho Đinh Tiên Hoàng làm Giao Chỉ quận vương, phong Đinh Liễn làm Kiểm hiệu Thái sư, Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ An Nam đô hộ.

Năm Thái Bình thứ 6 (975), mùa xuân, Đinh Tiên Hoàng sai Trịnh Tú đem sản vật địa phương gồm vàng, lụa, sừng tê, ngà voi sang nước Tống triều cống. Năm 977, Đinh Tiên Hoàng lại sai sứ sang nhà Tống đem phượng vật mừng Tống Thái Tông lên ngôi.

Như vậy, dưới thời Đinh, kể từ năm 970, vua Đinh Tiên Hoàng lần đầu tiên sai sứ sang nhà Tống kết hiếu, đến chuyển đi cuối cùng năm 977, sai sứ sang mừng Tống Thái Tông lên ngôi, trong quan hệ bang giao giữa Đại Cồ Việt và Trung Quốc chưa xảy ra xung đột. Nhà Tống đối với triều Đinh nói chung và vua Đinh Tiên Hoàng nói riêng, đều tỏ ra hữu hảo. Điều này cho thấy, Đinh Tiên Hoàng đã có một chính sách đối ngoại khéo léo, mềm dẻo để giữ gìn hòa bình cho dân tộc.

TS // <http://baoninhbinh.org.vn>

NHÀ NƯỚC ĐẠI CỒ VIỆT DƯỚI THỜI TIỀN LÊ (980-1009) VÀ THỜI KỲ ĐẦU CỦA NHÀ LÝ (1009-1054)

Năm 980, Lê Hoàn lên ngôi vua, lập ra triều Tiền Lê. Triều Tiền Lê có những cống hiến to lớn vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước với thắng lợi vang dội của cuộc kháng chiến chống Tống (năm 981) và bình định Chăm-pa (năm 982).



Đền thờ vua Lê. Ảnh: Minh Quang

Cho đến năm 1005, vua Lê Hoàn mất, các con của Lê Hoàn tranh chấp ngôi vua, đem quân đánh lẫn nhau; các hoàng tử hoặc bị giết, hoặc đầu hàng Lê Long Đĩnh. Dưới thời Lê Long Đĩnh (1005 - 1009), Nhà nước Đại Cồ Việt cũng có những bước phát triển nhất định, nhưng do Lê Long Đĩnh sớm đi vào con đường ăn chơi sa đọa nên lòng người chán nản, oán giận. Vì vậy, sau khi Lê Long Đĩnh chết (năm 1009), triều đình đưa Lý Công Uẩn lên làm vua, lập ra triều Lý (1009 - 1225). Năm 1010, vua Lý Công Uẩn quyết định dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La và đổi tên là thành Thăng Long. Việc dời đô về Thăng Long phản ánh yêu cầu mới về phát triển nhà nước phong kiến tập quyền và chứng tỏ khả năng, lòng tin, quyết tâm của cả dân tộc trong việc giữ vững nền độc lập. Cùng với tinh thần, ý chí đó, năm 1054, nhà Lý

(vua Lý Thánh Tông) đổi tên nước là Đại Việt.

Như vậy, quốc hiệu “Đại Cồ Việt” tồn tại trong lịch sử dân tộc từ năm 968 đến năm 1054, trải qua 3 triều đại: Đinh (968 - 980), Tiền Lê (980 - 1009) và thời kỳ đầu của nhà Lý (1009 - 1054).

Dưới thời Tiền Lê và thời kỳ đầu của nhà Lý (980 - 1054), Nhà nước Đại Cồ Việt tiếp tục phát triển về mọi mặt; nền độc lập, tự chủ của dân tộc được củng cố vững chắc.

- Về tổ chức bộ máy nhà nước:

Chính quyền trung ương thời Tiền Lê được giữ nguyên như thời Đinh, vua nắm mọi quyền hành cả dân sự lẫn quân sự; dưới vua là các chức quan văn, võ, hầu hết là những người có công phò tá nhà vua lên ngôi. Vua Lê Hoàn (tức Lê Đại Hành) vẫn đóng đô ở Hoa Lư; năm 984, cho xây dựng nhiều cung điện với quy mô to lớn hơn. Năm 1006, Lê Long Đĩnh cho sửa đổi quan chế và triều phục của các quan văn, võ và tăng đạo theo đúng như chế độ của nhà Tống. Chế độ phong tước và cấp thái ấp dưới thời Tiền Lê được thực hiện quy củ hơn trước. Thái tử được phong tước Đại vương, còn các hoàng tử đều được phong tước Vương và được chia đất để cai trị.

Thời nhà Lý: Các vua Lý tự xưng là Thiên tử, lập các ngôi Hoàng hậu và Thái tử, phong tước cho con cháu, người thân trong họ hàng cùng quan lại có công tôn phù. Hệ thống quan chức được chia làm 9 phẩm cấp; ngoài ra, còn có một số cơ quan chuyên trách, giúp việc cho vua.

Chính quyền địa phương đầu thời Tiền Lê vẫn giữ nguyên 10 đạo như thời Đinh; đến năm 1002, đổi các đạo thành lộ, dưới có phủ, châu, giáp, xã.

Sang thời Lý, năm 1010, Lý Công Uẩn chia nước thành các lộ và phủ; dưới phủ là huyện và cuối cùng là hương, giáp; miền núi và vùng xa trung ương thì chia thành châu, trại. Đây là công cuộc cải tổ hành chính có quy mô lớn, góp phần quan trọng trong công cuộc quản lý toàn diện đất nước.

- **Về tổ chức quân đội:** Thời Tiền Lê và thời kỳ đầu nhà Lý, việc xây dựng lực lượng quân sự rất được chú trọng, nhằm bảo vệ nền độc lập và chủ quyền quốc gia, dân tộc. Bên cạnh quân đội thường trực của triều đình (thiên tử quân, cấm vệ quân...) được tuyển lựa cẩn thận và tổ chức, huấn luyện chu đáo, còn có quân đội địa phương (dân binh, hương binh) làm nhiệm vụ canh phòng, bảo vệ các lộ, phủ, châu và có thể được chính quyền trung ương điều động bất cứ khi nào cần thiết. Cùng với lực lượng bộ binh, lực lượng thủy quân cũng được tập trung xây dựng. Thời Tiền Lê đã có những chiến thuyền lớn, được trang bị đầy đủ. Thời Lý, quân đội có nhiều binh chủng phong phú hơn.

- **Về luật pháp:** Dưới thời Tiền Lê, cùng với việc củng cố và tăng cường thiết chế bộ máy nhà nước quân chủ, nhà vua cũng quan tâm đến việc xây dựng pháp luật và đề cao luật pháp. Theo Đại Việt sử ký toàn thư, năm 1002, vua Lê Đại Hành “định luật lệ”; tuy nhiên, việc xét xử ở thời kỳ này còn khá tùy tiện.

Sang đến thời nhà Lý, năm 1042, Lý Thái Tông cho soạn bộ “Hình thư” gồm 3 quyển, xuống chiếu ban hành trong dân gian. Đây là bộ luật thành văn đầu tiên của Việt Nam, thể hiện một bước tiến quan trọng trong việc trị nước của nhà nước phong kiến độc

lập, tự chủ. Ở các làng xã, hình thức luật tục (tập quán pháp) vẫn duy trì và được mọi người tuân theo.

- **Về kinh tế:** Nông nghiệp đóng vai trò chủ yếu. Nông dân được làng xã chia ruộng để cày cấy, nộp thuế và đi lính cho nhà vua. Các vua rất chú ý khuyến khích nông nghiệp. Lê Đại Hành khi làm vua cho xây dựng nhiều công trình, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp để chấn hưng đất nước. Ông là vị vua mở đầu cho lễ tịch điền vào mùa xuân hàng năm, mở đầu cho một lễ nghi trọng đại mà các vương triều sau tiếp tục noi theo để khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp. Lê Đại Hành cũng là vị vua đầu tiên tổ chức đào sông. Công trình đào sông Nhà Lê do Lê Hoàn khởi dựng là con đường giao thông thủy nội địa đầu tiên của Việt Nam. Sang thời nhà Lý, triều đình cũng thi hành nhiều chính sách trọng nông, khuyến nông. Sức lao động và sức kéo trong nông nghiệp được nhà nước hết sức bảo vệ; do đó, sản xuất nông nghiệp ổn định và phát triển hơn trước.

Các nghề thủ công dưới thời Tiền Lê và đầu thời Lý như nghề gốm, nghề dệt, nghề mộc, khai mỏ, luyện sắt, đúc đồng, chạm khắc, sơn thếp... đều được phát triển và có nhiều tiến bộ lớn.

Ngoài ra, ở thời kỳ này, việc giao thương, buôn bán, trao đổi giữa các địa phương trong nước và với nước ngoài khá phát triển. Vua Lê Đại Hành và các vua Lý đều cho đúc tiền đồng để lưu thông rộng rãi và có dùng thêm tiền đồng Trung Quốc thời Đường, Tống.

- **Về văn hóa:** Đạo Phật vẫn giữ vai trò lớn trong đời sống xã hội Đại Cồ Việt thời Tiền Lê và thời kỳ đầu nhà Lý. Nhiều nhà vua và quý tộc đã theo đạo Phật, đề cao tư tưởng từ bi, bác ái. Trong triều, có hệ thống tăng quan, một số được phong là Quốc sư. Các loại hình văn hóa dân gian đã có từ thời

Đình vẫn được duy trì và phát triển. Bên cạnh đó, xuất hiện thêm loại hình hát tuồng.

- **Về đối ngoại:** Tiếp nối truyền thống từ thời Đinh, sang thời Tiền Lê, sau chiến thắng quân Tống (năm 981), vua Lê Đại Hành vẫn tỏ ra thần phục và cử sứ bộ sang dâng cống phẩm, sính lễ đầy đủ cho nhà Tống. Mặc dù vậy, triều đình nhà Tiền Lê vẫn luôn tỏ rõ tinh thần tự cường và độc lập. Do đó, nhà nước Đại Cồ Việt thời Tiền Lê được

gần 30 năm yên tĩnh, để củng cố và phát triển mọi nguồn lực ở trong nước.

Những năm đầu thời Lý, quan hệ hòa hiếu với nhà Tống tiếp tục được chăm lo củng cố. Đối với Chăm-pa ở phía Nam, đến năm 1018, quan hệ Việt - Chăm tương đối tốt đẹp, nhưng những năm về sau, quan hệ Việt - Chăm trở nên căng thẳng, các vua Lý phải sai quân hoặc thân chinh đi đánh dẹp.

Ban Tuyên giáo Trung ương //
<http://baoninhbinh.org.vn>

VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC ĐẠI CỒ VIỆT TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ CỦA DÂN TỘC

Quốc hiệu “Đại Cồ Việt” tồn tại trong lịch sử dân tộc từ năm 968 đến năm 1054, trải qua 3 triều đại: Đinh (968 - 980), Tiền Lê (980 - 1009) và thời kỳ đầu của nhà Lý (1009 - 1054).



Long sàng - Bảo vật Quốc gia. Ảnh: Minh Quang

- Nhà nước Đại Cồ Việt ra đời, tồn tại và phát triển đã khẳng định sức mạnh của ý chí độc lập dân tộc, hòa bình, thống nhất đất nước của nhân dân ta sau nghìn năm Bắc thuộc. Đây là nhà nước phong kiến Trung ương tập quyền đầu tiên của Việt Nam trong

lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc.

- Nhà nước Đại Cồ Việt đã mở ra những trang sử vẻ vang của dân Việt Nam trong thời kỳ đầu xây dựng và bảo vệ đất nước - kỷ nguyên độc lập, tự chủ lâu dài xuyên suốt các triều đại Đinh, Lê, Lý và Trần, Hậu Lê sau này, cụ thể:

Nhà nước Đại Cồ Việt đã có công lao trong việc giữ gìn, củng cố nền độc lập dân tộc trong một thời gian gần một thế kỷ. Trong thời kỳ này, các vương triều Trung Hoa mang quân sang xâm lược, nhưng đều bị chống trả quyết liệt.

Các chủ trương, chính sách và những thành tựu, kết quả của Nhà nước Đại Cồ Việt đã đặt nền móng cho sự ra đời, tồn tại và phát triển trên các lĩnh vực kinh tế, tài chính, đối ngoại, giao thông,... của nhà nước phong kiến Việt Nam trong tiến trình lịch sử dân tộc.

Ban Tuyên giáo Trung ương //
<http://baoninhbinh.org.vn>

THÂN THỂ, VAI TRÒ CỦA ĐÌNH BỘ LĨNH TRONG VIỆC Dẹp LOẠN 12 SỨ QUÂN

Công cuộc đấu tranh dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước của nhân dân ta gắn liền với tên tuổi Đinh Bộ Lĩnh - người tổ chức dẹp loạn, đồng thời cũng là người gây dựng nhà Đinh, lập nên Nhà nước Đại Cồ Việt - Nhà nước phong kiến trung ương tập quyền đầu tiên trong lịch sử dân tộc.



Dòng Hoa Lư là một di tích gắn với căn cứ đầu tiên của Đinh Bộ Lĩnh đối với sự nghiệp thống nhất giang sơn thế kỷ X, dòng nằm ở xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn. (Ảnh tư liệu)

Đinh Bộ Lĩnh người làng Đại Hữu, châu Đại Hoàng (nay là thôn Văn Bông, xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình), có cha là Đinh Công Trứ (từng giữ chức Thứ sử Châu Hoan, kiêm Ngự phiên Đô đốc dưới thời Dương Đình Nghệ và Ngô Quyền); mẹ là Đàm Thị. Sau khi cha mất, Đinh Bộ Lĩnh cùng mẹ và đám gia nhân về quê Đại Hoàng sinh sống. Uy thế chính trị của cha đã tạo cho cậu thiếu niên Đinh Bộ Lĩnh một vị thế của “con nhà nòi”, dòng họ vọng tộc ở châu Đại Hoàng mà không một đứa trẻ nào ở vùng núi rừng này có được.

Sử cũ của Việt Nam đều ghi chép về tài trí thông minh, mẫn tiệp hơn

người của Đinh Bộ Lĩnh. Hơn nữa, ông còn tỏ ra là người có tài làm tướng, có tài chỉ huy người khác ngay từ khi còn ít tuổi. Đại Việt sử ký toàn thư viết: “... Vào tuổi nhi đồng, vua thường cùng bọn trẻ con chăn trâu ngoài đồng. Bọn trẻ tự biết kiến thức không bằng vua, cùng nhau suy tôn làm trưởng. Phàm khi chơi đùa, thường bắt bọn chúng chéo tay làm kiểu khiêng và cầm hoa lau đi hai bên để rước như nghi trượng thiên tử...”.

Với tài trí hơn người, Đinh Bộ Lĩnh được tôn làm Tù trưởng sách Đào Áo (nay thuộc các xã Gia Hưng, Gia Phú, Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình); từng bước tập hợp và củng cố lực lượng. Theo sử sách, kết hợp với truyền thuyết địa phương, để củng cố và phát triển lực lượng, Đinh Bộ Lĩnh đã tập hợp đám bạn trẻ thời niên thiếu “cùng chăn trâu cắt cỏ”, sau trở thành những trợ thủ nổi tiếng như: Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Trịnh Tú, Lưu Cơ và tuyển mộ nhiều trai tráng trong vùng thành một đội gia binh riêng.

Sau khi Ngô Quyền mất (năm 944), triều đình Cổ Loa rối ren, không thể với tay kiểm soát các địa phương xa xôi. Chính trong khoảng thời gian đó (945 - 950), Đinh Bộ Lĩnh đã toàn quyền làm chủ vùng đất Hoa Lư và khu vực xung quanh; sử cũ nói “Từ đây ai cũng sợ phục, phàm đi đánh đến đâu đều dễ như chẻ tre...”.

Năm 951, lực lượng của Đinh Bộ Lĩnh đã khá mạnh. Ngô Xương Văn, Ngô Xương Ngập ở triều đình Cổ Loa đem quân đánh hàng tháng trời không thắng, phải rút quân về. Về sau, Đinh Bộ Lĩnh thấy Trần Lãm (Trần Minh Công) chiếm giữ Bố Hải Khẩu (Thái Bình), là một sứ quân mạnh, đức độ

nhưng không có con, liền cùng con trai là Đinh Liễn sang nương tựa. Trần Lãm thấy Đinh Bộ Lĩnh có tướng mạo khôi ngô, lại có chí lớn, liền nhận làm con nuôi, rồi giao binh quyền.

Sau khi Trần Lãm mất, Đinh Bộ Lĩnh đứng ra thay thế, chỉ huy lực lượng quân sự của Trần Lãm. Nhận thấy địa hình Bồ Hải Khẩu là đồng bằng, bất lợi trong khi công và thủ; ngược lại, Hoa Lư có núi non trùng điệp, sông ngòi uốn khúc, địa thế hiểm trở, thuận lợi cho cả tấn công lẫn phòng thủ, lại còn là vùng đất khá màu mỡ, quân có thể vừa chiến đấu vừa sản xuất. Do vậy, Đinh Bộ Lĩnh đã đưa quân về Hoa Lư, tiếp tục chiêu mộ hào kiệt, chuẩn bị binh lực và tiến hành đánh dẹp các sứ quân.

Đinh Bộ Lĩnh là một nhà quân sự đầy kinh nghiệm, một vị tướng có tầm chiến lược cao, sách lược khôn ngoan, sáng suốt. Để thực hiện mục tiêu chiến lược là dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước, Đinh Bộ Lĩnh không dựa vào binh hùng thế mạnh để tiến đánh theo lối “cuốn chiếu”, mà đã áp dụng chiến thuật “bẻ đũa từng chiếc”, kết hợp giữa quân sự (hành quân đánh dẹp) với chính trị (liên kết, hàng phục).

Có thể coi sứ quân Trần Lãm là sứ quan được Đinh Bộ Lĩnh thu phục đầu tiên. Với việc liên kết với sứ quân Trần Lãm ở Bồ Hải Khẩu, thế lực của Đinh Bộ Lĩnh trở nên mạnh mẽ, không chỉ về mặt lực lượng quân sự, tiềm lực kinh tế, phạm vi vùng đất kiểm soát, mà về cả sự tăng thêm uy thế cá nhân với sức thuyết phục, quy tụ to lớn. Sau sự kiện đó, sứ quân Phạm Phòng Át từ vùng Kim Động (Hưng Yên) nhận thấy với thế lực của mình mà đối đầu với họ Đinh là việc làm vô nghĩa, do đó, đem quân về hàng. Cùng với Phạm Phòng Át, còn có Lã Đường từ vùng Văn Giang (Hưng Yên) cũng đem lực lượng theo về với Đinh Bộ Lĩnh.

Đối với 2 sứ quân là Hoàng tộc nhà Ngô (đều là cháu nội Ngô Quyền) là Ngô Nhật Khánh và Ngô Xương Xí: Đinh Bộ Lĩnh đã hành quân tới Đường Lâm, hàng phục được Ngô Nhật Khánh; hành quân vào Bình Kiều, không đánh, chỉ dùng binh lực uy hiếp Ngô Xương Xí, đồng thời mở tiệc khao quân, Ngô Xương Xí hoảng sợ, nên đầu hàng (theo truyền thuyết ở huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

Các sứ quân có lực lượng quân sự lớn như: Đỗ Cảnh Thạc, Nguyễn Siêu, Kiều Công Hãn, Kiều Thuận, Nguyễn Thủ Tiệp, Lý Khuê không chịu hàng phục đã bị Đinh Bộ Lĩnh tập trung binh lực đánh dẹp.

Duy chỉ có trường hợp sứ quân Nguyễn Khoan chiếm giữ vùng Tam Đái (Yên Lạc - Vĩnh Phúc) được sử sách cho là tự tan rã.

Như vậy, sau thời gian hình thành và phát triển lực lượng, Đinh Bộ Lĩnh với tài năng quân sự của mình đã hoàn thành sứ mệnh mà lịch sử giao phó: Dẹp loạn và thống nhất đất nước. Trong thời gian khoảng 2 năm (966 - 967), bằng các biện pháp chính trị mềm dẻo - liên kết, hàng phục kết hợp với biện pháp quân sự cứng rắn - chinh phạt, Đinh Bộ Lĩnh đã lần lượt dẹp yên các sứ quân, chấm dứt cuộc “nội loạn” ở giữa thế kỷ X, thu non sông về một mối.

Chiến thắng liên tiếp của Đinh Bộ Lĩnh đối với các thế lực cát cứ là sự khẳng định của xu thế tập quyền, thống nhất, khi đó đã là xu thế vượt trội vào nửa cuối thế kỷ X ở Việt Nam; đồng thời, thêm một lần nữa khẳng định thắng lợi của tinh thần dân tộc và ý chí độc lập mạnh mẽ của nhân dân Việt Nam lúc bấy giờ.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Ninh Bình //
<http://baoninhbinh.org.vn>

CÔNG LAO ĐỒNG GÓP CỦA ĐÌNH TIÊN HOÀNG

TRONG TIẾN TRÌNH LỊCH SỬ DÂN TỘC

Đình Tiên Hoàng - người có công đánh dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước và trở thành hoàng đế đầu tiên của Việt Nam sau thời Bắc thuộc.

Đình Tiên Hoàng (tên thật là Đinh Bộ Lĩnh), người làng Đại Hữu, châu Đại Hoàng (nay là thôn Văn Bông, xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình), là con thứ của Thứ sử Đinh Công Trứ (Thứ sử Châu Hoan, kiêm Ngự phiến Đô đốc dưới thời Dương Đình Nghệ và Ngô Quyền); mẹ là Đàm Thị. Sau khi cha mất, Đinh Bộ Lĩnh cùng mẹ và đám gia nhân về quê Đại Hoàng sinh sống. Uy thế chính trị của cha đã tạo cho cậu thiếu niên Đinh Bộ Lĩnh một vị thế của “con nhà nòi”, dòng họ vọng tộc ở châu Đại Hoàng mà không một đứa trẻ nào ở vùng núi rừng này có được.



Các em học sinh lớp 12B6 trường THPT Đình Tiên Hoàng (thành phố Ninh Bình) thực hiện bộ ảnh gợi nhớ lịch sử về vua Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân. Ảnh: CTV

Thuở nhỏ sống với mẹ ở Đàm Gia, thường cùng lũ trẻ chăn trâu chơi trò đánh nhau, lấy bông lau làm cờ. Nhờ có tài chỉ huy, lại có chí lớn nên được bạn bè kính phục. Với tài trí hơn người, Đinh Bộ Lĩnh được tôn làm Tú trưởng sách Đào Áo (nay thuộc các xã Gia

Hưng, Gia Phú, Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình).

Sau khi Ngô Quyền mất (năm 944), triều đình rối ren, không có khả năng kiểm soát các địa phương xa xôi, Đinh Bộ Lĩnh đã cùng những người bạn thân thiết như Đinh Điền, Nguyễn Bặc tổ chức lực lượng, rèn vũ khí và chiếm giữ vùng đất Hoa Lư. Ông được nhân dân địa phương suy tôn và ủng hộ nhiệt liệt.

Trong khoảng thời gian từ năm 945 đến năm 950, Đinh Bộ Lĩnh đã toàn quyền làm chủ vùng đất Hoa Lư và khu vực xung quanh; sử cũ nói “Từ đây ai cũng sợ phục, phàm đi đánh đến đâu đều dễ như chẻ tre...”. Năm 951, lực lượng, thanh thế của Đinh Bộ Lĩnh đã khá mạnh, khiến Ngô Xương Ngập, Ngô Xương Văn lo sợ, đem quân đến đánh nhưng không thắng phải rút về.

Nhà Ngô sụp đổ, tình hình đất nước rối loạn. Đinh Bộ Lĩnh quyết định tiến đánh các sứ quân. Bằng các biện pháp chính trị mềm dẻo - liên kết, hàng phục kết hợp với biện pháp quân sự cứng rắn - chinh phạt, Đinh Bộ Lĩnh đã lần lượt dẹp yên các sứ quân, chấm dứt cuộc “nội loạn” ở giữa thế kỷ X, thu non sông về một mối vào cuối năm 967.

Năm 968 Đinh Bộ Lĩnh trở thành vị hoàng đế đầu tiên của Việt Nam sau thời kỳ Bắc thuộc kéo dài.

Đình Tiên Hoàng, người đặt nền móng sáng lập Nhà nước Đại cồ Việt - Nhà nước quân chủ Trung ương tập quyền đầu tiên của Việt Nam

Đình Tiên Hoàng vị hoàng đế sáng lập triều đại nhà Đinh, nước Đại cồ Việt trong lịch sử Việt Nam. Sự ra đời Nhà

nước Đại cồ Việt năm 968 đã chấm dứt tình trạng phân tán, cát cứ kéo dài, thống nhất đất nước. Đây là dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển của quốc gia dân tộc; giáng một đòn quyết định, chặn đứng mọi âm mưu chia rẽ đất nước của các thế lực cát cứ, phân tán tồn tại dai dẳng từ trước, hướng tới thống nhất, tập quyền, phù hợp với yêu cầu của lịch sử.



Lễ rước nước trong Lễ hội Hoa Lư. Ảnh: Minh Quang

Việc đặt quốc hiệu Đại cồ Việt, xưng Hoàng đế và định niên hiệu là Thái Bình, một lần nữa khẳng định sự tự tin vào sức mạnh dân tộc, khát vọng về một đất nước thái bình, hưng thịnh của vua Đinh Tiên Hoàng.

Nhà nước Đại cồ Việt dưới thời nhà Đinh, tuy chỉ tồn tại trong 12 năm (968 - 980), trải qua 2 đời vua, nhưng trong quá trình tồn tại, bằng tổ chức quản lý và hoạt động cụ thể, Nhà nước Đại cồ Việt thời Đinh đã có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong tiến trình lịch sử Việt Nam. Đây là Nhà nước đại diện cho lợi ích và sức mạnh của cộng đồng các giáp, xã... tượng trưng cho sự đoàn kết, tập hợp các lực lượng vì mục đích độc lập, tự chủ và thống nhất.

Với tổ chức bộ máy, chính sách đối nội, đối ngoại tuy sơ khai nhưng Nhà nước Đại cồ Việt dưới thời nhà Đinh đã xác lập một thời kỳ mới về tổ chức quản lý đất nước trong lịch sử dân tộc - thời kỳ độc lập, tự chủ, xây dựng chế độ quân chủ tập quyền ở Việt Nam.

Sự phát triển kinh tế, từ nông nghiệp cho đến công thương nghiệp dưới thời Đinh khá đều đặn và ngày càng đa dạng, đã tạo điều kiện nâng cao đời sống Nhân dân, vừa củng cố Nhà nước quân chủ Trung ương tập quyền, vừa nâng cao sức chiến đấu của đất nước thời Nhà Đinh.

Nhà nước Đại Cồ Việt thời nhà Đinh đã tạo cơ sở ban đầu để các vương triều sau này bổ sung, củng cố và điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của đất nước trong quá trình hình thành và xác lập chế độ phong kiến loại hình phương Đông ở nước ta. Đặc biệt, bằng những hoạt động đối nội và đối ngoại phù hợp, Nhà nước Đại Cồ Việt thời nhà Đinh đã đưa lịch sử nước ta vào một thời kỳ phát triển mới chưa từng có (so với trước đó), khôi phục lại thế đứng hiên ngang cho đất nước, cho dân tộc. Từ đây, đất nước của cộng đồng các dân tộc Việt, bằng sức sống bền bỉ và năng động của mình, đã vươn lên mạnh mẽ, đủ sức chống chọi với mọi âm mưu và hành động xâm lược của giặc ngoại xâm, giữ một vị trí quan trọng trong khu vực trước những biến động lớn đã từng xảy ra và còn tiếp diễn ở nhiều thế kỷ sau này.

Nhà nước Đại Cồ Việt dưới thời nhà Đinh ra đời, tồn tại, phát triển cùng với việc thiết lập triều đình riêng do một hoàng đế đứng đầu, có niên hiệu riêng, quản lý một lãnh thổ riêng biệt, là sự khẳng định mạnh mẽ nền độc lập, tự chủ của đất nước vừa mới được khôi phục sau hơn một thiên niên kỷ lệ thuộc vào phong kiến phương Bắc. Đây là Nhà nước mở đầu cho thời kỳ độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc.

Công lao, đóng góp to lớn của Đinh Tiên Hoàng trong tiến trình lịch sử dân tộc còn mãi muôn đời.

Ban Tuyên giáo Trung ương //
<http://baoninhbinh.org.vn>